Signature Not Verified
Được ký bởi ĐẶNG TUẤN DŨNG
Ngày ký: 07.02.2013 15:47

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07 /NQ-HĐQT	*Tp.Vinh, ngày 07 tháng 2 năm 2013*

NGHỊ QUYẾT
V/v: Phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013 của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/01/2008, sửa đổi bổ sung lần III ngày 09/3/2012;

Căn cứ Biên bản họp số 04/BB-HĐQT ngày 19/01/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông tại Tờ trình số 55/TTr-PTC ngày 18/01/2013,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013 của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông như nội dung tại các Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Giám đốc Công ty căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013 đã được Hội đồng quản trị phê duyệt tại Điều 1 để tiến hành giao kế hoạch cho các Phòng/Đơn vị trực thuộc và tổ chức chỉ đạo thực hiện, đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao.

Điều 3. Các Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty, Trưởng các Phòng, Giám đốc các Đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát PTC (để biết);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Nguyễn Thị Mai Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

PHỤ LỤC 1

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 07 /BB-HĐQT ngày 07 / 2 /2013)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐVT	Kế hoạch năm 2013	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	GHI CHÚ
I	**Các chỉ tiêu tài chính**							
1	**Vốn điều lệ**	**Triệu đồng**	**150.000**					
2	**Tổng doanh thu**	**Triệu đồng**	**149.701**	**39.103**	**36.468**	**34.884**	**39.246**	
2.1	Lĩnh vực kinh doanh Thương mại	Triệu đồng	70.086	20.647	16.671	13.940	18.828	
2.2	Lĩnh vực kinh doanh Khách sạn, du lịch	Triệu đồng	77.461	17.918	19.259	20.405	19.880	
	Trong đó: + Khách sạn Phương Đông	Triệu đồng	*63.150*	*15.987*	*14.552*	*15.682*	*16.929*	
	+ Nhà hàng Trường Thi	Triệu đồng	*7.748*	*1.175*	*2.675*	*2.375*	*1.525*	
	+ Trung tâm Lữ hành	Triệu đồng	*6.563*	*756*	*2.032*	*2.348*	*1.427*	
2.3	Lĩnh vực kinh doanh khác	Triệu đồng	2.153	538	538	538	538	
3	**Tổng chi phí**	**Triệu đồng**	**142.887**	**37.659**	**34.860**	**33.047**	**37.321**	
3.1	Lĩnh vực kinh doanh Thương mại	Triệu đồng	68.934	20.252	16.420	13.770	18.493	
3.2	Lĩnh vực kinh doanh Khách sạn, du lịch	Triệu đồng	66.126	15.451	16.484	17.320	16.872	
	Trong đó: + Khách sạn Phương Đông	*Triệu đồng*	*52.163*	*13.197*	*12.176*	*12.929*	*13.861*	
	+ Nhà hàng Trường Thi	*Triệu đồng*	*7.461*	*1.375*	*2.348*	*2.163*	*1.575*	
	+ Trung tâm Lữ hành	*Triệu đồng*	*6.503*	*879*	*1.960*	*2.228*	*1.436*	
3.3	Chi phí quản lý Công ty	Triệu đồng	7.826	1.957	1.957	1.957	1.957	
4	**Lợi nhuận trước thuế**	**Triệu đồng**	**6.813**	**1.443**	**1.608**	**1.837**	**1.925**	
5	**Lợi nhuận sau thuế**	**Triệu đồng**	**6.813**	**1.443**	**1.608**	**1.837**	**1.925**	
+	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	Triệu đồng	4,54					

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐVT	Kế hoạch năm 2013	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	GHI CHÚ
+	Tỷ lệ chia cổ tức (đối với công ty cổ phần)	Triệu đồng	0					
II	**Các chỉ tiêu khác**	Triệu đồng	**66.012,8**					
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Triệu đồng	62.025					Phụ lục 2
2	Mua sắm trang thiết bị văn phòng và mua sắm khác	Triệu đồng	1.349,9					Phụ lục 3
3	Sửa chữa, bảo dưỡng	Triệu đồng	1.209,4					Phụ lục 4
4	Bảo hộ lao động	Triệu đồng	816,54					Phụ lục 5
5	Bảo hiểm	Triệu đồng	230,00					Phụ lục 6
6	Đào tạo	Triệu đồng	382,00					Phụ lục 7

CÔNG TY CP DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 07 /BB-HĐQT ngày 07/2 /2013)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Hạng mục đầu tư	ĐVT	Thời gian		Tổng mức đầu tư/ dự toán được duyệt			Kế hoạch năm 2013			GHI CHÚ
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Nguồn vốn		Tổng số	Nguồn vốn		
						Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + Khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + Khác	
C	**Dự án nhóm C**										
I	**Dự án chuẩn bị đầu tư**	triệu đồng			**62.025**			**62.025**			
1	Trung tâm hội nghị 800 chỗ, văn phòng và thương mại Phương Đông	triệu đồng	Quý IV/2012	Quý IV/2013	40.000		40.000	40.000		40.000	
2	Dự án đầu tư tại khu đất 176 đường Nguyễn Phong Sắc - TP Vinh	triệu đồng	Quý IV/2012	Quý IV/2013	20.000		20.000	20.000		20.000	
3	Cải tạo mặt sân Tennis Khách sạn Phương Đông	triệu đồng	Quý II/2013	Quý II/2013	80	80		80	80		
4	Xây dựng khu SPA ở tầng hầm khách sạn Phương Đông	triệu đồng	Quý II/2013	Quý II/2013	800	800		800	800		
5	Mua sắm máy sấy 35kg	triệu đồng	Quý I/2013	Quý II/2013	250	250		250	250		
6	Thay thảm sàn tầng T, và rèm che kính tầng T	triệu đồng	Quý I/2013	Quý II/2013	395	395		395	395		
7	Đầu tư thay mới lavabo từ tầng 4-7 Khách sạn Phương Đông	triệu đồng	Quý II/2013	Quý II/2013	500	500		500	500		

CÔNG TY CP DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

PHỤ LỤC 3:
KẾ HOẠCH MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ VĂN PHÒNG VÀ MUA SẮM KHÁC NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 07 /BB-HĐQT ngày 07 /12 /2013)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian thực hiện	Tổng chi phí	
					USD	VND
I	**CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG**					**109,15**
1	***Phòng Tổ chức Hành chính***					*61,05*
1.1	Tủ đựng tài liệu 3 buồng	Cái	1	Quý I		2,50
1.2	Đĩa diệt vi rút	Đĩa	17	Cả năm		2,55
1.3	Phần mềm quản lý nhân sự	Cái	1	Quý I		20,00
1.4	Ghế văn phòng (dùng cho ban lãnh đạo)	Cái	1	Quý II		6,00
1.5	Mua sắm khác			Cả năm		30,00
2	***Phòng Tài chính - Kế toán***					*23,85*
2.1	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	Quý II		2,50
2.2	Đĩa diệt vi rút	Cái	13	Cả năm		2,00
2.3	Ghế văn phòng	Cái	1	Quý I		0,85
2.4	Máy tính văn phòng	Cái	1	Quý IV		8,50
2.5	Mua sắm khác			Cả năm		10,00
3	***Phòng Kế hoạch - Đầu tư***					*24,25*
3.1	Máy bơm áp lực	Cái	1	Quý I		3,50
3.2	Đĩa diệt vi rút	Đĩa	5	Quý I		0,75
3.3	Mua sắm khác			Cả năm		20,00
II	**KHÁCH SẠN PHƯƠNG ĐÔNG**					**1176,56**
1	**Bộ phận Thị trường**					*9,90*
1.1	Máy in màu	Cái	1	Quý I		4,00
1.2	Đĩa diệt vi rút	Cái	6	Quý I		0,90
1.3	Mua sắm khác			Cả năm		5,00
2	**Bộ phận Bếp**					*126,60*
2.1	Bếp khò Á (Bếp Gas, có quạt thổi)	cái	2	Quý 1, 2		60,00
2.2	Bếp Gas công nghiệp (phục vụ tiệc ngoài)	cái	3	Quý 1, 2		2,40
2.3	Chảo nhôm	cái	10	Quý 1, 2		2,00
2.4	Dao thái các loại	cái	50	Quý 1, 2		3,50
2.5	Thớt gỗ nghiến tròn to	cái	3	Quý 1, 2		1,80
2.6	Lồng hấp nhôm 3 tầng	cái	2	Quý 1, 2		2,50
2.7	Môi nấu Inox	cái	10	Quý 1, 2		0,50
2.8	Chao lì inox	cái	10	Quý 1, 2		1,60
2.9	Bàn sàn inox	cái	10	Quý 1, 2		0,50
2.10	Môi lỗ Inox	cái	10	Quý 1, 2		0,50

2.11	Rổ nhôm	cái	20	Quý 1, 2		0,90
2.12	Tô inox (L20 cm)	cái	30	Quý 1, 2		0,90
2.13	Máy xay sinh tố	cái	1	Quý 1, 2		2,70
2.14	Nồi inox 140 lít	cái	2	Quý 1, 2		3,50
2.15	Máy xay đậu nành	cái	1	Quý 1, 2		3,50
2.16	Cân 60 kg	cái	2	Quý 1, 2		0,80
2.17	Cân 20 kg	cái	2	Quý 1, 2		0,60
2.18	Chậu nhôm to	cái	5	Quý 1, 2		1,00
2.19	Nồi 5 lít	cái	2	Quý 1, 2		0,40
2.20	Chảo rán trứng (20 cm)	cái	5	Quý 1, 2		1,00
2.21	Tủ giữ nóng thức ăn	cái	2	Quý 1, 2		16,00
2.22	Mua sắm khác			Cả năm		20,00
3	**Bộ phận Buồng**					*874,40*
3.1	Máy in	cái	1	Quý I		2,90
3.2	Đĩa diệt vi rút	cái	2	Trong năm		0,30
3.3	Xi-e bồn cầu	cái	30	Trong năm		16,50
3.4	Giá treo vòi sen	cái	20	Trong năm		1,00
3.5	Bát sen	cái	30	Trong năm		5,10
3.6	Bình nóng lạnh	cái	25	Quý 1, 2		85,00
3.7	Khởi động từ	cái	6	Trong năm		4,20
3.8	Dây cấp nước	cái	30	Trong năm		1,50
3.9	Cụm gật gù	cái	5	Trong năm		9,50
3.10	Tủ lạnh	cái	7	Trong năm		21,00
3.11	Ti vi	cái	4	Trong năm		26,00
3.12	Củ gật gù	cái	20	Trong năm		1,00
3.13	Ấm siêu tốc	cái	60	Quý 1, 3		16,20
3.14	Giây vòi sen	cái	15	Trong năm		3,00
3.15	Bộ xả lavabol	cái	6	Trong năm		2,40
3.16	Bộ bồn cầu nguyên thủ	cái	1	Trong năm		7,00
3.17	Át tô mát	cái	5	Trong năm		2,00
3.18	Lốc điều hòa	cái	5	Trong năm		15,00
3.19	Bộ giây vòi sen	cái	20	Trong năm		8,00
3.20	Khung cửa gỗ	cái	2	Trong năm		1,00
3.21	Key room	cái	10	Trong năm		5,50
3.22	Máy sấy tóc	cái	10	Trong năm		2,50
3.23	Ổ khóa đấm phòng vệ sinh	cái	10	Trong năm		1,50
3.24	Bánh xe đẩy	cái	20	Trong năm		1,20
3.25	Quạt thông gió	cái	10	Trong năm		2,80
3.26	Cần máy hút bụi	cái	5	Trong năm		1,00
3.27	Bánh xe rác	cái	10	Trong năm		1,50

3.28	Chốt an toàn	cái	5	Trong năm		6,00
3.29	Nam châm cửa	cái	80	Trong năm		2,40
3.30	Điện thoại hành lang	cái	6	Trong năm		14,00
3.31	Thanh treo ri đô	chiếc	10	Trong năm		1,20
3.32	Xi phông lava bô	cái	20	Trong năm		11,00
3.33	Xi phông bồn tắm	cái	10	Trong năm		6,50
3.34	Túi bạt đựng đồ vai	cái	10	Trong năm		3,50
3.35	Túi lọc bể bơi	cái	6	Trong năm		14,00
3.36	Bàn hút bể bơi có bánh xe	cái	1	Trong năm		2,50
3.37	Ống hút bể bơi	cái	1	Trong năm		2,20
3.38	Tụ máy lọc bể bơi	cái	2	Trong năm		2,20
3.39	Cánh quạt máy bơm bể bơi	cái	2	Trong năm		4,00
3.40	Dây cô roa máy giặt	cái	2	Trong năm		1,50
3.41	Dây cô roa máy sấy	cái	2	Trong năm		1,50
3.42	Ga đôi	cái	100	Quý 2		45,00
3.43	Vỏ chăn đôi	cái	100	Quý 2		105,00
3.44	Vỏ Gối trắng	cái	500	Quý 2		45,00
3.45	Khăn Tắm	cái	700	Quý 2		105,00
3.46	Khăn mặt	cái	700	Quý 2		35,00
3.47	Khăn tay	cái	700	Quý 2		14,00
3.48	Thảm chân	cái	300	Quý 2		36,00
3.49	Thảm thang máy khách	cái	3	Trong năm		10,00
3.50	Nệm lò xo đôi	cái	5	Quý 2		30,00
3.51	Nệm lò xo đơn	cái	20	Quý 2		74,00
3.52	Bô rác Inoc (thay thế các bô nhựa)	cái	40	Quý 2		8,00
3.53	Ấm điện	cái	1	Quý 2		0,30
3.54	Mua sắm khác			Trong năm		50,00
4	**Bộ phận Lễ tân**					*12,90*
4.1	Phích nấu nước sôi	cái	1	Quý 1		0,20
4.2	Máy làm thẻ từ (dự phòng hỏng)	cái	1	Quý 1		6,00
4.3	Đĩa diệt vi rút	cái	11	Trong năm		1,70
4.4	Mua sắm khác			Cả năm		5,00
5	**Bộ phận Bàn**					*152,76*
5.1	Xe đẩy hàng	Cái	2	Quý 1, 2		12,00
5.2	Lò nướng bánh mỳ	Cái	1	Quý 1, 2		25,00
5.3	Muỗng cà phê	Cái	1000	Quý 1, 2		4,00

5.4	Bếp ga mini	Bếp	50	Quý 1, 2		10,00
5.5	Muỗng phơ	cái	500	Quý 1, 2		3,50
5.6	Máy xay sinh tố	Máy	1	Quý 1, 2		2,50
5.7	Ly cơ	ly	200	Quý 1, 2		4,00
5.8	Ly sâm banh	Ly	100	Quý 1, 2		5,50
5.9	Ly đáy bầu	ly	1000	Quý 1, 2		9,00
5.10	Tô ăn phở	Tô	200	Quý 1, 2		5,00
5.11	Bát nước chấm	Bát	500	Quý 1, 2		3,00
5.12	Bình INOX rót cà phê	Bình	10	Quý 1, 2		3,00
5.13	Ga phủ phòng họp	Mét	150	Quý 1, 2		3,80
5.14	Ga phủ Buffeet	Mét	150	Quý 1, 2		3,80
5.15	Dải trang trí phòng ăn	Mét	150	Quý 1, 2		3,90
5.16	Đĩa 30 cm	Đĩa	200	Quý 1, 2		5,00
5.17	Đĩa bầu dục 32 cm	Đĩa	200	Quý 1, 2		2,00
5.18	Ly uống nước có chân	Cái	300	Quý 1, 2		16,50
5.19	Ly nước cam	Cái	100	Quý 1, 2		6,00
5.20	Thùng nhựa 120lit	Cái	5	Quý 1, 2		0,75
5.21	Thau nhôm	Cái	5	Quý 1, 2		0,55
5.22	Xe nhựa úp ly	Cái	5	Quý 1, 2		2,00
5.23	Phích đựng nước sôi	Cái	5	Quý 1, 2		1,00
5.24	Pin cà phê	Cái	30	Quý 1, 2		0,21
5.25	Đĩa diệt vi rút	Cái	5	Quý 1, 2		0,75
5.26	Mua sắm khác	Cái		Cả năm		20,00
III	**NHÀ HÀNG TRƯỜNG THI**					**49,19**
1	Đĩa diệt vi rút	Cái	3	Quý 1		0,45
2	Bàn nhựa sân vườn	Cái	40	Quý 1		5,20
3	Ghế nhựa sân vườn	Cái	100	Quý 1		6,00
4	Đĩa sâu lòng vừa (ĐK 20cm)	Cái	100	Quý 1		2,50
5	Đĩa sâu lòng nhỏ	Cái	100	Quý 1		2,20
6	Cốc uống bia có quai (Phục vụ sân vườn)	Cái	200	Quý 1		1,20
7	Cốc đáy bầu (Phục vụ trong nhà)	Cái	200	Quý 1		1,30
8	Nồi cơm điện (6,3 Lít)	Cái	1	Quý 1		4,00
9	Chảo xào có cán (ĐK 30cm)	Cái	1	Quý 1		0,20
10	Thớt nghiến	Cái	5	Quý 1		3,00
11	Dao chặt	Cái	5	Quý 1		0,50
12	Dao thái	Cái	5	Quý 1		0,35
13	Kéo thép	Cái	3	Quý 1		0,21
14	Môi xào	Cái	5	Quý 1		0,25

15	Chao lì (I Nox có lỗ)	Cái	3	Quý 1		0,48
16	Bàn sản	Cái	3	Quý 1		0,15
17	Cân 5 kg	Cái	1	Quý 1		0,20
18	Bình nóng lạnh	Cái	1	Quý 1		3,40
19	Xe đẩy thức ăn	Cái	1	Quý 1		6,00
20	Thảm nhựa to	Cái	2	Quý 1		1,00
21	Thảm nhựa nhỏ	Cái	3	Quý 1		0,60
22	Mua sắm khác			Cả năm		10,00
IV	**Phòng Thương Mại**					**15,00**
1	Dĩa diệt vi rút	Đĩa	6	Quý I		0,90
2	Mua sắm khác			Cả năm		14,10
	Tổng cộng					**1349,90**

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

PHỤ LỤC 4:
KẾ HOẠCH BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 07 /BB-HĐQT ngày 07 /2 /2013)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Thời gian thực hiện dự kiến	Giá trị		GHI CHÚ
			USD	VND	
1	**Văn phòng Công ty**			**208**	
1.1	Bảo dưỡng, sửa chữa khu nhà VP	Quý II		100	
1.2	Bảo dưỡng hệ thống điện, điều hòa	Quý II		20	
1.3	Bảo dưỡng xe ôtô	Năm 2013		88	2 xe 4 chỗ, 1 xe 7 chỗ,
2	**Khách sạn Phương Đông**			**975**	
2.1	Phí bảo trì thang máy (05 Thang).	hàng tháng		51	
2.2	Phí kiểm định 7 hệ thống điều hòa trung tâm	29/06/2013		56	
2.3	Phí kiểm định thang máy khách(03 thang)	25/02/2013		30	
2.4	Bảo dưỡng hệ thống PCCC	Quí II		80	thay cửa chống cháy cầu thang bộ khối ngủ(T4-T&), thay
2.5	Bảo dưỡng hệ thống điều hoà	Quí I, quý IV		45	
2.6	Sơn, sửa chữa khách sạn	Quí II +III		35	
2.7	Thay thế sửa chữa thiết bị điện	Cả năm		45	
2.8	Bảo trì phần mềm máy tính	Quý II, quý IV		60	Phần mềm smile, phần mềm diệt vi rút
2.9	Chi phí chống thấm silicon	Quí II		45	
2.10	Chi phí sơn sửa mặt ngoài khách sạn	Quí II		200	
2.11	Chi phí sửa chữa đồ gỗ Khách sạn	Quí II		118	
2.12	Chi phí sửa chữa trần thạch cao, ốp gạch tường các phòng massager	Quí II		80	
2.13	Sửa chữa nhỏ lẻ khác	Cả năm		130	
3	**Nhà hàng Trường Thi**			**26,4**	
3.1	Chi phí sửa chữa thường xuyên	Năm 2013		26,4	
4	**Trung tâm Lữ hành**			-	
4.1	Chi phí sửa chữa lớn và nhỏ TSCĐ	Năm 2013			2 xe ôtô, sửa chữa khác
	Tổng cộng(1+2+3+4)			**1.209,4**	

CÔNG TY CP DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

PHỤ LỤC 5
KẾ HOẠCH BẢO HỘ LAO ĐỘNG NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 07 /BB-HĐQT ngày 07 / 2 /2013)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung kế hoạch	Đơn vị tính	Số lượng công việc (hoặc người)	Đơn giá	Thành tiền
I	**Các biện pháp về kỹ thuật an toàn và PCCN**				**113,10**
1	**Văn phòng Công ty**				**19,90**
1.1	Mua bình bọt chữa cháy	Bình	3	0,3	0,90
1.2	Diễn tập Phương án PCCC	Năm			12,00
1.3	Tập huấn, huấn luyện khác liên quan đến công tác PCCN, do các cơ quan tổ chức.....	Năm			7,00
2	**Khách sạn Phương Đông**				**85,2**
2.1	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện PCCN				
	1. Lăng vòi cứu hoả	Cái	15	0,6	9,0
	2. Đèn sự cố	Cái	15	0,36	5,4
	3. Ác qui 6v	Cái	15	0,120	1,8
	4. Bình bọt chữa cháy	Bình	30	0,3	9,0
2.2	Diễn tập Phương án PCCC	Năm			25,0
2.3	Kết hợp cơ quan quản lý nhà nước về PCCC diễn tập PCCC, cứu hộ cứu nạn	Năm			20,0
2.4	Tập huấn, huấn luyện khác liên quan đến công tác PCCN, do các cơ quan tổ chức.....	Năm			15,0
3	**Nhà hàng Trường Thi**				**8,0**
3.1	Mua bình bọt chữa cháy	Bình	1	3,0	3,0
3.2	Tập huấn, huấn luyện khác liên quan đến công tác PCCN, do các cơ quan tổ chức.....	Năm			5,0
II	**Các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động, phòng chống độc hại, cải thiện điều kiện lao động**				**177**
1	**Khách sạn Phương Đông**				**154**
1.1	Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất, xả thải nước thải vào nguồn nước tại Chi nhánh Khách sạn Phương Đông.	Lần	1	85	85
1.2	Đo đạc các yếu tố môi trường lao động tại văn phòng, nhà xưởng, công trường, bến bãi, tàu, phương tiện nổi...	Lần	2	12	24
1.3	Xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại	Năm			30
1.4	Thông hút hệ thống bể phốt, bể mỡ	Năm			15
2	**Nhà hàng Trường Thi**				**23**

STT	Nội dung kế hoạch	Đơn vị tính	Số lượng công việc (hoặc người)	Đơn giá	Thành tiền
2.1	Xử lý hệ thống thoát nước	Năm			7
2.2	Thông hút hệ thống bể phốt	Năm			8
2.3	Lắp đặt, gia cố khu vực để bình gas	Năm	1	8	8
III	**Mua sắm trang thiết bị bảo hộ cá nhân**				**415,99**
1	**Văn phòng công ty**				**122,25**
1.1	Quần áo bảo hộ	Người	75	0,8	60,00
1.2	Mũ nhựa cứng	Cái	35	0,08	2,80
1.3	Giầy bảo hộ	đôi	75	0,5	37,50
1.4	Găng tay	đôi	10	0,02	0,20
1.5	Kính bảo hộ	Cái	3	0,5	1,50
1.6	Áo mưa BHLĐ (loại tốt)	Cái	30	0,35	10,50
1.7	Ủng cao su	đôi	25	0,07	1,75
1.8	Mua sắm khác	Năm			8,00
2	**Khách sạn Phương Đông**				**242,60**
2.1	Quần áo bảo hộ (Bàn, Bếp, Buồng, Lễ tân, Thị Trường, TT Lữ hành)	Người	154	0,8	123,20
2.2	Mũ nhựa cứng	Cái	30	0,08	2,40
2.3	Giầy bảo hộ	đôi	165	0,5	82,50
2.4	Găng tay	đôi	450	0,02	9,00
2.5	Áo mưa BHLĐ (loại tốt)	Cái	12	0,35	4,20
2.6	Ủng cao su	đôi	20	0,07	1,40
2.7	Tạp dề	Cái	70	0,07	4,90
2.8	Mua sắm khác	Năm			15
3	**Nhà hàng Trường Thi**				**41,14**
3.1	Quần áo bảo hộ	Người	23	0,8	18,40
3.2	Mũ nhựa cứng	Cái	2	0,08	0,16
3.3	Giầy bảo hộ	đôi	23	0,5	11,50
3.4	Găng tay	đôi	100	0,02	2
3.5	Áo mưa BHLĐ (loại tốt)	Cái	5	0,35	1,75
3.6	Ủng cao su	đôi	5	0,07	0,35
3.7	Tạp dề	Cái	14	0,07	0,98
3.8	Mua sắm khác	Năm			6
4	**Trung tâm Lữ hành**				**10**
4.1	May trang phục				10

STT	Nội dung kế hoạch	Đơn vị tính	Số lượng công việc (hoặc người)	Đơn giá	Thành tiền
IV	**Chăm sóc sức khoẻ người lao động toàn Công ty**				**63,45**
1	Chi phí khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động	người	263	0,15	39,45
2	Trang thiết bị sơ cứu ban đầu (thuốc men, dụng cụ y tế...)	Tháng	12	2	24
V	**Tuyên truyền, huấn luyện, giáo dục vê BHLĐ**				**47**
1	Huấn luyện công tác ATLĐ, BHLĐ, ATVSV, VSATTP	Năm			25
2	Hưởng ứng, tuyên truyền các chương trình HSE hàng năm (panô, áp phích, băng rôn, hoạt động khác…)	Năm			10
3	Mua tài liệu, tạp chí về AT-BHLĐ.....	Năm			5
4	Chi phí khác.....	Năm			7
TỔNG CỘNG					**816,54**

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

PHỤ LỤC 6:
KẾ HOẠCH BẢO HIỂM NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 07 /BB-HĐQT ngày 07 /2 /2013)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Loại hình bảo hiểm	ĐVT	Số lượng	Phí bảo hiểm	Ghi chú
I	**Bảo hiểm tài sản**			**210**	
1	Bảo hiểm mọi rủi ro KS Phương Đông	Hệ thống		150	
2	Bảo hiểm xe cơ giới (trách nhiệm + Vật chất)	Chiếc	5	60	
II	**Bảo hiểm khác**			**20**	
	TỔNG CỘNG			**230**	

CÔNG TY CP DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

PHỤ LỤC 7
KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NĂM 2013
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 07 /BB-HĐQT ngày 07 /2 /2013)

TT	Các khóa đào tạo	Cơ sở đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời lượng (ngày)	Thời gian thực hiện	Địa điểm tổ chức	Số học viên	Chi phí cho một người		Tổng chi phí		Nguồn kinh phí
								USD	Tr. ĐVN	USD	Tr. ĐVN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	**BAN LÃNH ĐẠO**										**148**	
1	Quản trị kinh doanh	Các trường đại học	Cao học		Trong năm	Nghệ An, Hà Nội	1		50		50	Công ty
2	Quản trị Du lịch và khách sạn Quốc tế	Các trung tâm đào tạo	Tập trung	180	Quý 3,4	Hà Nội, Tp HCM	1		50		50	Công ty
3	Tiếng Anh	Các trung tâm đào tạo	Nâng cao	30	Quý 3	Hà Nội, Tp HCM	1		3		3	Công ty
4	Quản trị công ty	Cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận	Tập trung	5	Năm 2013	Hà Nội, Tp HCM	9		5		45	Công ty
II	**PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**										**8**	
1	Nghiệp vụ thư ký	Các trung tâm đào tạo	Tập trung	13	Quý 1,2	Hà Nội	2		2		4	Công ty
2	Nghiệp vụ Bảo vệ	Các trung tâm đào tạo	Tập trung	5	Trong năm	Nghệ An	4		1		4	Công ty
III	**PHÒNG THƯƠNG MẠI**										**5**	
1	Marketing, PR	Các trung tâm đào tạo	Nâng cao	5	Quý 2	Nghệ An, Hà Nội	5		1		5	Công ty
IV	**KHÁCH SẠN PHƯƠNG ĐÔNG**										**183**	
Bộ phận Thị trường												
1	Marketing, PR	Các trung tâm đào tạo	Nâng cao	5	Quý 1,3	Nghệ An, Hà Nội	3		1		3	Công ty
Bộ phận Lễ tân												

TT	Các khóa đào tạo	Cơ sở đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời lượng (ngày)	Thời gian thực hiện	Địa điểm tổ chức	Số học viên	Chi phí cho một người		Tổng chi phí		Nguồn kinh phí
								USD	Tr. ĐVN	USD	Tr. ĐVN	
1	Nghiệp vụ lễ tân	CĐ Du lịch Hà Nội	Tập trung	90	Trong năm	Hà Nội	6		5		30	Công ty
Bộ phận Buồng												
1	Quản lý nghiệp vụ Buồng	Các trung tâm đào tạo	Tập trung	90	Quý 1,2	Hà Nội, Tp HCM	1		10		10	Công ty
2	Nghiệp vụ Buồng	CĐ Du lịch Hà Nội	Tập trung	90	Quý 1,2	Hà Nội	4		5		20	Công ty
Bộ phận Bàn												
1	Quản lý Nhà hàng	Saigon Tourist	Tập trung	120	Trong năm	Tp.HCM	2		10		20	Công ty
2	Đào tạo thực tế nghiệp vụ Bàn	CĐ Du lịch Hà Nội	Tập trung	90	Trong năm	Hà Nội	10		5		50	Công ty
Bộ phận Bếp												
1	Bếp Âu nâng cao	Saigon Tourist	Tập trung	90	Trong năm	Tp.HCM	3		5		15	Công ty
2	Bếp Á nâng cao	Saigon Tourist	Tập trung	90	Trong năm	Tp.HCM	4		5		20	Công ty
3	Bếp bánh nâng cao	Saigon Tourist	Tập trung	90	Trong năm	Tp.HCM	3		5		15	Công ty
Trung tâm Lữ hành											**20**	
1	Điều hành Tour	CĐ Du lịch Hà Nội	Tập trung	60	Quý 3,4	Hà nội	3				20	Công ty
V	**NHÀ HÀNG TRƯỜNG THI**										**26**	
1	Marketing, PR	Các trung tâm đào tạo	Nâng cao	5	Quý 1,3	Nghệ An, Hà Nội	1		1		1	Công ty
2	Nghiệp vụ Bếp nâng cao	Saigon Tourist	Tập trung	90	Quý 1,3	Tp.HCM	2		5		10	Công ty
3	Đào tạo thực tế nghiệp vụ Bàn	Các trung tâm đào tạo	Tập trung	90	Quý 1,3	Tp.HCM	3		5		15	Công ty
TỔNG CỘNG							**68**		**174**		**382**	